

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 411/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con giữa anh T và chị
P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về “ ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Trọng T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 7/67 đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số nhà 1A/14 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 7 năm 2021, Bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Trọng T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 01-10-2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Bản thân chị P tính tình nóng nảy, thiếu kiềm chế nên nhiều lần lăng mạ, xúc phạm anh. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị P đã đưa hai con chuyển về nhà mẹ đẻ tại số nhà 1A/14 đường T, phường T, thành phố N sinh sống từ năm 2018. Những dịp lễ, tết và ngày nghỉ chị P vẫn cho các con về thăm bố và bà nội. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Trần Thị P.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị P có hai con chung là Phạm Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-4-2008 và Phạm Ngọc L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2016. Hiện tại cả hai con đang ở cùng với chị P. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con Phạm Ngọc A, chị P nuôi con Phạm Ngọc L. Trong trường hợp chị P muốn nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh đồng ý giao cả hai con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cả hai cháu, mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Anh không đề nghị giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 29-7-2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Ph trình bày thống nhất với anh Phạm Trọng T về điều kiện kết hôn. Về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị P vợ chồng chung sống bình thường, đến khi chị mang thai con thứ hai thì anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã trình báo sự việc trên đến cơ quan công an, tổ dân phố xem xét, giải quyết. Năm 2020 anh T đã làm đơn xin ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án. Sau đó anh T rút đơn xin đoàn tụ, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Vợ chồng quay về chung sống từ thời gian đó đến nay. Tuy nhiên chị được biết anh T vẫn quan hệ với người phụ nữ khác, còn chị vẫn đang sinh sống cùng với gia đình nhà chồng. Việc anh T ngoại tình là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên vì hai con còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị thống nhất như lời trình bày của anh Phạm Trọng T Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị nhất trí với quan điểm cấp dưỡng nuôi con của anh T.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị có quan điểm vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 20-8-2021 của cháu Phạm Ngọc A - con chung của anh T và chị P trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Biên bản thu thập chứng cứ ngày 27-7-2021, chính quyền địa phương nơi chị P cư trú cung cấp: Chị Trần Thị P có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại số nhà 1A/14 đường Trần Quang Khải, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định. Anh Phạm Trọng T không có hộ khẩu tại địa chỉ trên. Vài năm trở lại đây khi xảy ra mâu thuẫn với chồng thì chị P thường về số nhà 1A/14 đường Trần Quang Khải sống cùng với mẹ đẻ là bà Trần Thị Loan.

Biên bản thu thập chứng cứ ngày 05-8-2021, chính quyền địa phương nơi anh Phạm Trọng T cư trú cung cấp: Anh T có hộ khẩu tại số nhà 7/67 đường M, phường Q, thành phố N. Anh T kết hôn với chị P năm 2007. Vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Ngọc A, sinh năm 2008 và Phạm Ngọc L, sinh năm 2016. Chị P và hai con không có hộ khẩu tại số nhà 7/67 đường M, phường Q, thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa anh T và chị P.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T và chị P: Chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Phạm Bảo A, sinh ngày 24-4-2008 và Phạm Ngọc L, sinh ngày 10-01-2016. Anh T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 10-2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn anh Phạm Trọng T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với chị Trần Thị P do vậy xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01-10-2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vì vậy xác định hôn nhân giữa anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của anh Phạm Trọng T: Quá trình chung sống giữa anh T và chị P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau, bản thân chị P tính tình nóng nảy, thiếu kiềm chế nên nhiều lần lăng mạ, xúc phạm anh. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Chị P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, năm 2020 anh T đã gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn nhưng sau đó anh T đã rút đơn, nay vì các con chị không đồng ý ly hôn anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có căn cứ xử cho ly hôn giữa anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con chung: anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P có hai con chung là Phạm Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-4-2008 và Phạm Ngọc L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị P. Tại phiên tòa anh T và chị P tự nguyện thỏa thuận chị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung; anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của anh T và chị P phù hợp với qui định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

2.3 Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Phạm Trọng T là nguyên đơn đồng thời là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P.

2. Về nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị Phượng: chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Phạm Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-4-2008 và Phạm Ngọc L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P: Anh T cấp dưỡng nuôi con Phạm Ngọc A và con Phạm Ngọc L mỗi con 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con Phạm Ngọc A và con Phạm Ngọc L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Anh Phạm Trọng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai thu tiền số

0002966 ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Trọng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Trọng T và chị Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự: Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND P. T, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bang

